

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST

Ngày: 21 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoa

2. Ông Phan Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông: Ông Nguyễn Văn Nơi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G

2. *Bị đơn:* Phạm Thị Á, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:*

Vào năm 2015, Bà cho bà Á vay số tiền 118.000.000 đồng làm 04 lần. Cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 27 (không nhớ rõ tháng), bà Á vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả.

- Lần 2: ngày 29 (không nhớ rõ tháng), bà Á vay 60.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả.

- Lần 3: ngày 30 (không nhớ rõ tháng), bà Á vay 23.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả.

- Lần 4: không nhớ rõ thời gian, bà Á vay 15.000.000 đồng.

Sau khi vay, bà Á không trả lãi nên sau này gộp chung biên nhận, bà Á viết và ký tên vào biên nhận nhận có tựa đề “cô sáu nhận số tiền”. Sau đó bà Á đưa cho bà 30.000.000 đồng, trong đó 12.000.000 đồng dùng để trả nợ thay bà Á, còn lại 18.000.000 đồng là số tiền bà Á trả nợ cho bà nên bà Á còn nợ bà số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Á trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng khi án có hiệu lực và không yêu cầu trả tiền lãi.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Á đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bà Á không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng*: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung*: Yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn Phạm Thị Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Á theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà Á trả số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng:

Theo bà T trình bày bà cho bà Á vay số tiền 118.000.000 đồng làm 04 lần, (không nhớ thời gian cụ thể) nhưng sau đó gộp chung một biên nhận. Quá trình thực hiện, bà Á chỉ trả 18.000.000đ tiền vốn, phần tiền lãi thì bà T trình bày tại

phiên tòa là: bà và bà Á thỏa thuận số tiền lãi sẽ giao cho bà Á chơi hụi dùm, nhưng thực tế số tiền lãi bao nhiêu bà T không biết và bà T cũng không có nhận được khoản tiền hụi nào. Do đó, bà T cho rằng không nhận được tiền lãi của số tiền vay. Nay bà T chỉ yêu cầu bà Á trả 100.000.000đ tiền vốn và không tính tiền lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: yêu cầu của bà T là có căn cứ. Bởi lẽ, khi khởi kiện bà T có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ do bà Á viết và ký tên, mặc dù bà Á không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà T, cho nên bà T yêu cầu được giám định chữ viết và chữ ký trong giấy viết tay mà bà cho rằng đó là chữ viết, chữ ký của bà Á để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Giấy có nội dung *“cô sáu nhận số tiền lấy ngày 27 (20.000.000) Bạc 4 phân, lấy ngày 29. (60.000.000) Bạc 03 phân, lấy ngày 30. (23000000) Bạc ngày 2p cô Sáu Á (ký tên Á) lấy ngày 30-2015-2016. 15 triệu. Sáu Á”*.

Theo Kết luận giám định số 102/KTHS-GĐ ngày 04/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang đã kết luận: Chữ ký dạng chữ viết tên “Á” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết tên “Á” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người ký (viết) ra là do cùng một người ký ra; chữ viết trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, chữ viết họ tên “Phạm Thị Á” trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M2 đến M7 do **cùng một người viết ra**.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định bà Á có vay của bà T tổng số tiền 118.000.000đ, bà T thừa nhận đã nhận 18.000.000đ tiền vốn nên bà Á còn nợ bà T 100.000.000đ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: bà T không yêu cầu bà Á trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian trả: bà T yêu cầu bà Á trả số tiền 100.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: bà T yêu cầu bà Á hoàn trả toàn bộ chi phí giám định là 1.800.000 đồng. Xét thấy, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà T là có căn cứ toàn bộ nên bà Á phải chịu chi phí giám định.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào: - Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

1. Buộc bà Phạm Thị Á có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

2. Buộc bà Phạm Thị Á có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T chi phí giám định là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng).

Thi hành khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Hoàn lại bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 49540 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

- Bà Phạm Thị Á phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Á có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

